

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:108/2025/DSST

Ngày: 17- 4 - 2025

“ V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Hiền.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy;
2. Ông Nguyễn Tấn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trâm - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **09/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 01 năm 2025** về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:64/2025/QĐXX-ST ngày 21/3/2025

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ B, Khu phố C, p. N , TP ., Bình Định

*** Bị đơn :** Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1994

Địa chỉ: B N, p. Q, Tp ., Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:** Chị T và chị H có quen biết với nhau, chị H có hỏi mượn tiền chị T nhiều lần để lo công việc, khi mượn chị H hứa khi nào chị T cần tiền thì chị H sẽ trả. Nên chị T có cho chị H mượn bằng hình thức chuyển qua tài khoản chị H tại Ngân hàng Q, các lần như sau:

Ngày 27/02/2024 chị T chuyển khoản cho chị H mượn 46.400.000 đồng ; Ngày 19/04/2024 chị T chuyển khoản cho chị H mượn 2 lần vào lúc 10 giờ 7 phút, số tiền là 5.000.000 đồng, vào lúc 21 giờ 38 phút số tiền 10.500.000 đồng, không tính lãi.

Tổng cộng chị T chuyển cho chị H mượn 61.900.000 đồng, sau khi mượn chị T nhiều lần yêu cầu chị H trả nợ nhưng chị H không trả. Nay chị T yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị H trả 61.900.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn chị Trương Thị Thu H trình bày:** Chị và chị T chơi thân với nhau, vào ngày 10/02/2023, chị T có mượn chị số tiền mặt là 80.000.000 đồng, không có viết giấy mượn tiền, sau đó chị T có chuyển trả cho chị 03 lần, lần thứ nhất 46.400.000 đồng, lần thứ hai 10.500.000 đồng, lần thứ ba 5.000.000 đồng, tổng cộng ba lần là 61.900.000 đồng, chị T còn nợ chị 18.100.000 đồng. Vì mâu thuẫn với nhau nên nay chị T khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền 61.900.000 đồng chị không đồng ý.

+ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã tiến hành thụ lý, xác định quan hệ pháp luật, xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hoà giải, tổng đạt thông báo thụ lý, Thông báo hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều **463, 466, 470 Bộ luật dân sự** ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T; Buộc chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T 61.900.000 đồng, chị T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn đang cư trú tại: B N , TP ., tỉnh Bình Định nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Chị T và chị H có quen biết với nhau, chị H có hỏi mượn tiền chị T nhiều lần để lo công việc, khi mượn chị H hứa khi nào chị T cần tiền thì chị H sẽ trả nên chị T có cho chị H mượn bằng hình thức chuyển qua tài khoản chị H tại Ngân hàng Q, các lần như sau:

Ngày 27/02/2024 chị T chuyển khoản cho chị H mượn 46.400.000 đồng ; Ngày 19/04/2024 chị T chuyển khoản cho chị H mượn 2 lần vào lúc 10 giờ 7 phút, số tiền là 5.000.000 đồng, vào lúc 21 giờ 38 phút số tiền 10.500.000 đồng, không tính lãi. Tổng cộng chị T chuyển cho chị H mượn 61.900.000 đồng, sau khi mượn chị T nhiều lần yêu cầu chị H trả nợ nhưng chị H không trả.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H trả 61.900.000 đồng tiền gốc, tôi không yêu cầu tính lãi.

Chị H cũng thừa nhận chị T có chuyển qua tài khoản của chị 03 lần, cụ thể lần thứ nhất 46.400.000 đồng, lần thứ hai 10.500.000 đồng, lần thứ ba 5.000.000 đồng, tổng cộng ba lần là 61.900.000 đồng, nhưng vào ngày 10/02/2023 chị T có mượn chị số tiền mặt là 80.000.000 đồng, nên chị T chuyển 61.90.000 đồng là để trả nợ cho chị chứ không phải tiền chị mượn chị T. Nay chị và chị T có mâu thuẫn với nhau, chị T khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền 61.900.000 đồng chị không đồng ý.

HĐXX xét thấy: Các bên đều thừa nhận là chị T có chuyển khoản khoản cho chị H ba lần qua tài khoản Ngân hàng Q, các lần như sau: Ngày 27/02/2024 chị T chuyển qua tài khoản chị H mượn 46.400.000 đồng; Ngày 19/04/2024 chị T chuyển qua tài khoản chị H mượn 2 lần vào lúc 10 giờ 7 phút, số tiền là 5.000.000 đồng, vào lúc 21 giờ 38 phút số tiền 10.500.000 đồng, , tổng cộng chị T chuyển cho chị H mượn 61.900.000đồng, không tính lãi. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất, sau khi vay chị T nhiều lần yêu chị H trả nợ nhưng chị H không trả là chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay chị T yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ trả cho chị 61.900.000 đồng tiền vay gốc là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Đối với tiền lãi chị T không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

Xét lời khai của chị H: Chị H cho rằng, ngày 10/02/2023 chị T có mượn chị số tiền mặt là 80.000.000 đồng, sau đó chị T có chuyển trả cho chị ba lần, lần thứ nhất 46.400.000 đồng, lần thứ hai 10.500.000 đồng, lần thứ ba 5.000.000 đồng, tổng cộng ba lần là 61.900.000 đồng nhưng chị H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc chị đã cho chị T mượn tiền nên HĐXX không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Chị H có nghĩa vụ trả nợ cho chị T 61.900.000 đồng nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 3.095.000 đồng.

- Chị T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên hoàn trả cho chị T 1.547.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001091, ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự;**

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

1.1. Buộc chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thanh T 61.900.000 đồng.

1.2. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) **hoặc kể từ ngày có** đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Buộc chị Trương Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 3.095.000 đồng (Ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả cho chị T 1.547.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001091, ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T và chị H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Quy Nhơn
- TAND tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Trọng Hiền

